

Số: /BC-NDU

Buôn Ma Thuột, ngày 01 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm: 2024

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG**1. Tên cơ sở giáo dục**

Trường Trung học phổ thông chuyên Nguyễn Du

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử)

Địa chỉ: đường Trương Quang Giao, tổ dân phố 6, phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Điện thoại: 02623.857691

Website: <https://c3chuyennguyendu.daklak.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có)

Loại hình: Trường THPT công lập, loại hình chuyên biệt

Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục**a*) Tầm nhìn**

Là một trong những trường THPT công lập, loại hình chuyên biệt, chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk mà học sinh và phụ huynh sẽ lựa chọn để con em học tập và rèn luyện; nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn lên.

b*) Sứ mệnh

Xây dựng môi trường học tập có nền nếp, kỷ luật, trách nhiệm, văn minh và chất lượng tốt để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo.

c*) Hệ thống giá trị cơ bản

Đoàn kết, chia sẻ, nhân ái, trung thực; Kỷ cương, nền nếp, văn minh; Sáng tạo, chủ động, thích ứng; Hội nhập, khát vọng vươn lên.

d*) Mục tiêu chung

Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế

phát triển của đất nước và thời đại

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

a*) Lịch sử hình thành

Năm 1994 - gần 20 năm sau đại thắng mùa Xuân lịch sử (30/4/1975), cùng với cả nước, tình hình kinh tế xã hội của tỉnh Đắk Lắk đã có nhiều khởi sắc, cơ sở hạ tầng được đầu tư khang trang và đồng bộ, đời sống nhân dân ngày một nâng lên, dân số tăng nhanh kéo theo sự phát triển vượt bậc cả về hệ thống trường lớp và quy mô học sinh. Nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục, nhất là giáo dục mũi nhọn, nhằm góp phần đào tạo nhân lực chất lượng cao cho tỉnh nhà và cả nước, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập Quốc tế, ngày 23/06/1994 UBND tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định số 453/QĐ-UB thành lập Trường phổ thông cấp II – III chuyên Nguyễn Du. Sau 2 năm chuẩn bị cơ sở vật chất và xây dựng đội ngũ, ngày 05/9/1996 chính thức làm lễ khánh thành và khai giảng năm học đầu tiên (1996 – 1997). Nhiệm vụ quan trọng của Nhà trường được UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo giao cho là: Tuyển chọn học sinh trên địa bàn toàn tỉnh có năng khiếu về các bộ môn văn hóa, đào tạo trở thành những người có trình độ THPT, đồng thời phát triển năng khiếu các bộ môn văn hóa, tạo nguồn đào tạo đại học và cấp học cao hơn, góp phần xây dựng đội ngũ tri thức giỏi cho tỉnh nhà và cả nước.

Ngày 22/07/1997 UBND tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định số 1455/QĐ-UB V/v đổi tên Trường phổ thông cấp II – III chuyên Nguyễn Du thành Trường THPT chuyên Nguyễn Du.

b*) Quá trình phát triển

Ngày đầu khi mới thành lập, trường tọa lạc tại số 01A đường Lê Hồng Phong, phường Tân Tiến, TP Buôn Ma Thuột. Năm học đầu tiên trường có 602 học sinh bao gồm cả 2 cấp THCS và THPT, lúc đó trường chỉ có 55 cán bộ, giáo viên được Sở Giáo dục và Đào tạo điều động về từ lực lượng giáo viên giỏi ở các trường THCS và THPT trong tỉnh.

Ngày 05 tháng 9 năm 2014 được sự quan tâm của UBND tỉnh, trường chuyển đến một cơ sở mới được đầu tư xây dựng khang trang, bề thế, rộng rãi, hiện đại tại đường Trương Quang Giao, khối 6, phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, với hệ thống khối nhà hiệu bộ, 4 khối nhà lớp học lý thuyết và thực hành; khối nhà giảng đường và thư viện rộng rãi với hàng ngàn đầu sách; các hạng mục công trình phục vụ như Hội trường 600 chỗ, nhà đa chức năng, sân vận động, bể bơi, khu nội trú... được xây dựng trong khuôn viên diện tích 46.000 m² tương xứng với tầm vóc và vị thế của một ngôi trường THPT chuyên trọng điểm của tỉnh nhà.

Trải qua 30 năm hình thành, phát triển và trưởng thành, Nhà trường đã có những thay đổi, phát triển vượt bậc, có những bước đi vững chắc và đầy quyết tâm cùng với sự năng động, sáng tạo của tập thể lãnh đạo và Hội đồng sư phạm nhà trường. Trường trở thành trung tâm giáo dục chất lượng cao và địa chỉ đáng tin cậy của chính quyền, phụ huynh học sinh và nhân dân trong tỉnh. Đội ngũ giáo viên, nhân viên hiện có 101 người,

vững vàng về chuyên môn, có trách nhiệm, rất tâm huyết với nghề: 30 năm qua đã có 06 thầy cô đã được Chủ tịch Nước phong tặng danh hiệu “Nhà giáo ưu tú”; có 03 thầy cô được Chủ tịch Nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba; có 15 thầy cô được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen; có hàng trăm lượt thầy cô được Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh tặng Bằng khen; có 40 lượt thầy cô được UBND tỉnh tặng thưởng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh; có 100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn và 80% trên chuẩn, có 70% thầy cô đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh và hơn 600 sáng kiến được Hội đồng thi đua khen thưởng tỉnh và Sở Giáo dục – Đào tạo công nhận...Chất lượng giáo dục toàn diện và mũi nhọn được giữ vững và ngày càng nâng cao: hàng năm tỉ lệ học sinh học tập Khá, Giỏi duy trì từ 99,5 - 100%, xếp loại rèn luyện (hạnh kiểm) Khá, Tốt duy trì 99,5 - 100%%; tỉ lệ tốt nghiệp THPT hàng năm duy trì 100%, tỉ lệ đỗ vào Đại học nguyện vọng 1 và 2 hằng năm đạt 100%, có nhiều học sinh đỗ thủ khoa các khối thi trong tỉnh và trên toàn quốc, điểm trung bình các môn thi Đại học, điểm trung bình điểm thi tốt nghiệp THPT luôn xếp vào tốp đầu trong tỉnh và cả nước.

Trải qua 30 năm hình thành, phát triển và trưởng thành, Nhà trường đã không ngừng lớn mạnh về mọi mặt, luôn khẳng định vai trò là nơi phát hiện, bồi dưỡng học sinh năng khiếu, nơi đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh nhà và cả nước, đồng thời là điểm sáng về chất lượng giáo dục mũi nhọn trên bản đồ các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. 30 năm qua, Nhà trường đặc biệt quan tâm đến công tác bồi dưỡng học sinh giỏi các cấp, đã tham mưu cho lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo tuyển chọn, xây dựng đội ngũ giáo viên vừa giỏi chuyên môn, vừa tâm huyết với nghề, đã chỉ đạo bộ phận chuyên môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thật cụ thể và khoa học, đã mua bổ sung tài liệu, giáo trình chuyên sâu, trang thiết bị thí nghiệm, lựa chọn giáo viên giỏi, có kinh nghiệm phụ trách đội tuyển, tổ chức giao lưu, trao đổi kinh nghiệm với các trường THPT chuyên có uy tín và mời chuyên gia đầu ngành về bồi dưỡng học sinh giỏi... Nhà trường đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý và dạy học, đa dạng các phương pháp dạy học từ việc sử dụng tốt công nghệ thông tin, xây dựng hệ thống lưu trữ hồ sơ, sổ sách một cách khoa học, hiệu quả. 30 năm qua với 28 lần tham gia Kỳ thi chọn học sinh giỏi Quốc gia, Nhà trường đã có 796 em đạt giải học sinh giỏi cấp Quốc gia (*trong đó: 9 giải Nhất, 125 giải Nhì, 307 giải Ba và 355 giải Khuyến khích*), có 21 học sinh được Bộ Giáo dục và Đào tạo triệu tập tham gia kỳ thi lập đội tuyển Quốc gia dự thi Olympic Quốc tế và Châu lục. Tham dự kỳ thi Olympic truyền thống 30/4 các tỉnh thành phía Nam có 983 em đoạt huy chương (*trong đó: 289 huy chương Vàng, 389 huy chương Bạc và 305 huy chương Đồng*); hơn 3.600 học sinh giỏi cấp tỉnh; hàng trăm giải, huy chương các kỳ thi khác như: Olympic chuyên Khoa học tự nhiên, Olympic Tin học miền Trung – Tây Nguyên, kỳ thi Hóa học Hoàng gia Australia....

Đặc biệt trong 5 năm gần đây, dấu ấn của học sinh chuyên Nguyễn Du càng in đậm tại các kỳ thi Quốc gia và Quốc tế: đã có 3 học sinh của Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo chọn vào đội tuyển Quốc gia dự thi Olympic cấp châu lục (*em Trần Thế Phong lớp 12TH được chọn vào đội tuyển Quốc gia dự thi Olympic Tin học châu*

Á – Thái Bình Dương vào năm 2019, em Võ Minh Tiến lớp 12CL được chọn vào đội tuyển Quốc gia dự thi Olympic Vật lý châu Âu vào năm 2021 và em Hoàng Duy Vũ lớp 12TH được chọn vào đội tuyển quốc gia dự thi Olympic Tin học châu Á – Thái Bình Dương vào năm 2023). Đặc biệt hơn em Nguyễn Hoàng Nguyên lớp 12CA khóa 2020-2023 đã 2 lần đoạt Huy chương Quốc tế - Kỳ thi Olympic Kinh tế Quốc tế (năm 2022 đoạt Huy chương Đồng và năm 2023 đoạt Huy chương Bạc - đây là thành tích cao nhất của Việt Nam sau nhiều năm tham gia Kỳ thi Olympic kinh tế Quốc tế). Nhờ những đóng góp tích cực, quan trọng của Trường THPT Chuyên Nguyễn Du, trong 6 năm liên tiếp gần đây, tỉnh Đắk Lắk luôn ở vị thứ top đầu so với các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên về kết quả thi học sinh giỏi cấp Quốc gia.

Cùng với thành tích nổi trội của kỳ thi chọn học sinh giỏi Quốc gia, Quốc tế, Trường THPT Chuyên Nguyễn Du nhiều năm liền luôn xếp vị thứ cao trong kỳ thi Olympic truyền thống 30/4 – sân chơi trí tuệ giành cho học sinh khối 10 và 11 các trường THPT chuyên của 40 tỉnh, thành phía Nam: điển hình như năm học 2017-2018 Trường đoạt 51 huy chương, xếp vị thứ 6; năm học 2018-2019 Trường đoạt 54 huy chương, xếp vị thứ 4; năm học 2020-2021 Trường đoạt 54 huy chương, xếp vị thứ 5; đặc biệt năm năm học 2022-2023 Trường đoạt 56 huy chương, xếp vị thứ Nhì so với 70 trường THPT chuyên/THPT đến từ 40 tỉnh, thành phía Nam tham dự kỳ thi...

Ngoài ra, học sinh Trường THPT Chuyên Nguyễn Du đạt rất nhiều thành tích khác như: Tham dự cuộc thi “Đường lên đỉnh Olympia” do Đài truyền hình Việt Nam tổ chức đã có 13 học sinh tham gia và đoạt giải cao, nhiều em học sinh đạt Nhất tuần, Nhất tháng, Nhất quý, trong đó có 2 học sinh lọt vào vòng chung kết năm - 2 lần mang cầu truyền hình về tỉnh Đắk Lắk (em Phan Tiến Tùng lớp 11CA năm 2016 và em Đoàn Nam Thắng lớp 11TH năm 2019); tham gia Hội khỏe Phù Đổng, Hội thao Quốc phòng an ninh, hội diễn văn nghệ... luôn đạt thành tích cao. Đặc biệt, nhằm hướng tới đào tạo học sinh là những công dân toàn cầu, hội nhập quốc tế, lãnh đạo Nhà trường, Đoàn trường, ngoài việc thúc đẩy học tập còn tăng cường các hoạt động ngoại khóa, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; đẩy mạnh hoạt động các câu lạc bộ để rèn luyện kỹ năng mềm cho học sinh (*hàng chục CLB được thành lập và duy trì hoạt động như các CLB học tập, các CLB sở thích, các CLB năng khiếu, các CLB cộng đồng...*), đồng thời đẩy mạnh các cơ hội học tập ngoại ngữ và du học cho học sinh, hàng năm có hơn 50% học sinh lớp 12 có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế từ 6.0 đến 8.5, số lượng học sinh du học các nước trên thế giới tăng lên theo từng năm.

Trải qua 30 năm ươm mầm và chắp cánh tài năng, từ mái trường THPT chuyên Nguyễn Du này đã đào tạo gần 10.000 học sinh tốt nghiệp THPT, hầu hết các em đã bước chân vào học tại các giảng đường Đại học, Học viện... nhiều học sinh đã trở thành những nhà khoa học có học vị Tiến sĩ, công tác trong nhiều tập đoàn khoa học, công nghệ uy tín trên thế giới và trong nước; nhiều em trở thành những Bác sĩ, Kỹ sư, Nhà giáo giỏi... nhiều em trở thành những doanh nhân thành đạt ở các doanh nghiệp, công ty, tổng công ty... Nhiều em đã trở thành những cán bộ lãnh đạo chủ chốt trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận, đoàn thể, trong lực lượng vũ trang... của TP Buôn Ma Thuột, của tỉnh Đắk Lắk và của cả nước.

Cùng với hoạt động chuyên môn, các tổ chức chính trị xã hội luôn được quan tâm và không ngừng được củng cố và phát triển, tổ chức Công đoàn và Đoàn thanh niên luôn là những đoàn thể vững mạnh trong tỉnh, nhiều năm liên tục được công nhận là Đoàn thể vững mạnh, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đã nhận nhiều Cờ thi đua xuất sắc, Bằng khen của Trung ương Đoàn, Tỉnh Đoàn, của Liên đoàn Lao động tỉnh, Công đoàn Giáo dục Việt Nam.

Với những thành tích đạt được, Trường THPT Chuyên Nguyễn Du nhiều năm liên tục được UBND tỉnh tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc, đã nhận nhiều Cờ thi đua và Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tỉnh ủy và UBND tỉnh Đắk Lắk. Trường đã có 6 lần được Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ đơn vị xuất sắc, tiêu biểu, dẫn đầu phong trào thi đua. Nhà trường được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hàng Ba năm 2009, hàng Nhì năm 2015. Đặc biệt, ngày 30/12/2022, Chủ tịch nước đã ký Quyết định số 1580/QĐ-CTN tặng Huân chương Lao động hàng Nhất cho Trường THPT Chuyên Nguyễn Du vì đã có những thành tích xuất sắc trong công tác giáo dục và đào tạo góp phần sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

c*) Tình hình đội ngũ giáo viên, học sinh, kết quả đào tạo qua các năm:

Năm học	Số CB, GV, NV	Số HS xếp loại hành kiểm Tốt và Khá	Tốt nghiệp THPT	Đỗ Đại học	HSG Quốc gia	HSG Olympic 30/4	HSG Tỉnh
1996-1997	64	09	576 (100%)	69	95%	27	19 HC
1997-1998	63	09	667 (100%)	92	92%	37	25 HC
1998-1999	63	13	850 (99%)	125	90%	23	18 HC
1999-2000	65	12	999 (99%)	222	85%	33	23 HC
2000-2001	65	12	988 (100%)	339	84%	30	26 HC/12
2001-2002	64	15	949 (100%)	344	85%	26	30 HC/17
2002-2003	68	14	944 (100%)	296	89%	23	27 HC/21
2003-2004	70	18	987 (100%)	295	90%	30	39 HC/4
2004-2005	70	19	1050 (99,7%)	339	90%	38	38 HC/4
2005-2006	76	21	1073 (100%)	348	91%	39	36 HC/4
2006-2007	82	23	1050 (99,8%)	355	92%	23	(*)
2007-2008	84	26	1020 (100%)	344	93%	20	32 HC/9
2008-2009	87	31	1020 (100%)	319	93%	21	42 HC/10
2009-2010	92	31	1047 (99,9%)	339	94%	23	36 HC/16
2010-2011	100	35	1047 (99,9%)	353	97%	16	40 HC/8
2011-2012	100	43	1023 (99,6%)	347	98%	19	48 HC/7
2012-2013	102	45	1014 (99,8%)	341	97%	29	48 HC/10
2013-2014	102	49	1013 (99,7%)	326	100%	24	53 HC/8
2014-2015	100	49	1032 (99,9%)	341	100%	27	44 HC/9
2015-2016	100	49	1013 (98,9%)	339	100%	19	38 HC/21
2016-2017	99	52	1050 (100%)	338	100%	18	50 HC/24
2017-2018	96	55	1028 (100%)	336	100%	28	51 HC/6
2018-2019	96	55	1018 (100%)	356	100%	32	54 HC/4
2019-2020	95	59	1030 (100%)	317	100%	35	*
2020-2021	95	55	1064 (99,9%)	326	100%	39	54 HC/5
2021-2022	96	57	1108 (100%)	376	100%	32	*

2022 - 2023	96	60	1145 (99,9%)	358	100%	36	56 HC/2	174
2023 - 2024	100	61	1173 (100%)	366	100%	52	54 HC/7	191

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Đăng Bông

Chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ nơi làm việc: Địa chỉ: đường Trương Quang Giao, tổ dân phố 6, phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Số điện thoại: 02623.857691; 0914057756.

Email: nguyendangbongndu@gmail.com.vn

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có)

- *Quyết định thành lập trường:* Trường phổ thông cấp II – III chuyên Nguyễn Du được thành lập theo Quyết định số 453/QĐ-UB ngày 23/06/1994 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- *Quyết định đổi tên trường:* Ngày 22/07/1997 UBND tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định số 1455/QĐ-UB V/v đổi tên Trường phổ thông cấp II – III chuyên Nguyễn Du thành Trường THPT chuyên Nguyễn Du.

Địa chỉ hiện nay: đường Trương Quang Giao, tổ dân phố 6, phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Quyết định số 826/QĐ-SGDĐT ngày 13/12/2022 và Quyết định số 210/QĐ-SGDĐT ngày 07/04/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk về việc Công nhận Hội đồng trường Trường THPT chuyên Nguyễn Du và Chủ tịch Hội đồng trường Trường THPT chuyên Nguyễn Du nhiệm kỳ 2022-2027.

Danh sách Hội đồng trường:

STT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Chức danh HĐT	Ghi chú
1	Nguyễn Đăng Bông	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Phạm Ngôn	TKHĐ	Thư ký	
3	Phạm Thị Như Trang	Phó Hiệu trưởng	Thành viên	
4	Võ Thị Thanh Thảo	Phó Hiệu trưởng	Thành viên	
5	Lê Quang Nhân	Chủ tịch công đoàn	Thành viên	
6	Phạm Công Tuấn	Bí thư Đoàn	Thành viên	
7	Nguyễn Ngọc Thái	TTCM Vật lý	Thành viên	

8	Tường Ngọc Thục Uyên	TTCM Sinh học	Thành viên
9	Ngô Thị Triều Châu	TTCM Ngữ văn	Thành viên
10	Phạm Thị Thanh Mai	TTCM Sử-Địa-GDCD	Thành viên
11	Phạm Tiến Anh	TTCM Ngoại ngữ	Thành viên
12	Biện Minh Thành	TT Văn phòng	Thành viên
13	Phạm Tiến Hưng	Phó Chủ tịch UBND TP BMT	Thành viên
14	Bùi Ngọc Đức	Phụ huynh	Thành viên
15	Đoàn Minh Nhật	Học sinh lớp 11CH	Thành viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục

- Quyết định bổ nhiệm lại Hiệu trưởng đối với ông Nguyễn Đăng Bông:
Quyết định số 27/QĐ-SGDĐT ngày 16/06/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk về việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý.

- Quyết định bổ nhiệm lại Phó Hiệu trưởng đối với bà Phạm Thị Như Trang:
Quyết định số 64/QĐ-SGDĐT ngày 12/10/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk về việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý.

- Quyết định bổ nhiệm lại Phó Hiệu trưởng đối với bà Võ Thị Thanh Thảo:
Quyết định 55/QĐ-SGDĐT ngày 25/09/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk về việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục Cơ chế hoạt động của trường THPT chuyên Nguyễn Du

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh; Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành;

Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục

Trường THPT chuyên Nguyễn Du được thành lập theo Quyết định số 453/QĐ-UB ngày 23/06/1994 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk,

Địa chỉ hiện nay: đường Trương Quang Giao, tổ dân phố 6, phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Địa điểm trường có vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận tiện, khung cảnh đẹp, có điều kiện để xây dựng trường trở thành một trường THPT chuyên trọng điểm của địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Trường THPT THPT chuyên Nguyễn Du là cơ sở giáo dục phổ thông chuyên biệt của hệ thống giáo dục quốc dân, cung cấp dịch vụ giáo dục công lập, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GDĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý học sinh (HS) theo quy định của Bộ GDĐT.

- Tổ chức cho giáo viên (GV), nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng GD, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GDĐT.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng GD, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở GD trong quản lý các HĐGD); bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

- + 01 Hội đồng trường với 15 thành viên.
- + Lãnh đạo trường: 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.
- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 Đảng bộ, gồm 04 chi bộ và 62 đảng viên.
- + Tổ chức Công đoàn có 102 công đoàn viên.
- + Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có hơn 1000 đoàn viên với 34 chi đoàn thuộc.
- + Ban đại diện CMHS.
- + Các tổ chuyên môn: 08 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

STT	Họ tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Nguyễn Đăng Bông	Hiệu trưởng	0914057756	nguyendangbongndu@gmail.com
2	Phạm Thị Như Trang	Phó Hiệu trưởng	0914225679	trangthinhutrang@gmail.com
3	Võ Thị Thanh Thảo	Phó Hiệu trưởng	0935050979	thaondu48@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: *đường Trương Quang Giao, tổ dân phố 6, phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.*

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác.

Chiến lược phát triển nhà trường: Kế hoạch số 59/KH-NDU ngày 27/07/2024 về Chiến lược phát triển trường THPT chuyên Nguyễn Du giai đoạn 2025-2030 và tầm nhìn đến năm 2035.

Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục: Quyết định số 12/QĐ-NDU ngày 01/10/2024 của Hiệu trưởng trường THPT chuyên Nguyễn Du về việc ban hành quy chế dân chủ trong trường học năm học 2024-2025.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng người làm việc được giao/phê duyệt		Số lượng người làm việc hiện có				
		Được giao	Tự chủ	Tổng cộng	Viên chức từ nguồn được giao	Viên chức từ nguồn tự chủ	HĐLĐ chuyên môn, nghiệp vụ	HĐLĐ hỗ trợ, phục vụ
I. Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý								
1.	Hiệu trưởng	1		1	1			
2.	Phó Hiệu trưởng	2		2	2			
II. Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành								
1.	Giáo viên THPT hạng I	0		0				
2.	Giáo viên THPT hạng II	0		01				
3.	Giáo viên THPT hạng III	89		89				
4.	Thiết bị, thí nghiệm	0		Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm			

5.	Giáo vụ	1		1			1	
6.	Tư vấn học sinh	0		Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm			
7.	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0		0	0			
III. Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung								
1.	Thư viện viên hạng IV	1		1	1			
2.	Kế toán viên	1		1	1			
3.	Văn thư viên trung cấp	1		1	1			
4.	Cán sự thủ quỹ	1		1	1			
5.	Y tế học đường	1		1	1			

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng người làm việc được giao/phê duyệt		Số lượng người làm việc hiện có				
		Được giao	Tự chủ	Tổng cộng	Viên chức từ nguồn được giao	Viên chức từ nguồn tự chủ	HĐLĐ chuyên môn, nghiệp vụ	HĐLĐ hỗ trợ, phục vụ
IV. Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ								
1.	Nhân viên Bảo vệ	2		2				2
2.	Nhân viên Phục vụ	1		1				1

100% giáo viên, nhân viên đạt chuẩn. Trong đó, 60 cán bộ, giáo viên có trình độ Thạc sĩ - trên chuẩn.

Các giáo viên, nhân viên 100% hoàn thành bồi dưỡng hằng năm.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề Năm báo cáo
1	Diện tích đất/người học (m ²)	46 413m ² /1136 học sinh	46 413m ² /1173 học sinh
2	Diện tích sàn/người học (m ²)	17.719 m ² /1136 HS	17.719 m ² /1173 HS
3	Tỷ lệ giáo viên có chỗ làm việc riêng biệt	0,0 %	0,0 %
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	1083/ngành	1083/ngành

5	Số bản sách/người học	10.583/1136	12.572/1173
6	Tỷ lệ môn học sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	100%	100%
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	200 Mbps/1515	200 Mbps/1498

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1.	Trụ sở chính	1	46 413m ²	17.719 m ²
2.	Cơ sở...	0	0	0
3.	Phân hiệu...	0	0	0
Tổng cộng:			46 413m ²	17.719 m ²

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Kinh phí (triệu đồng)
1.	Xây mới tòa nhà..	0	0
2.	Nâng cấp tòa nhà...	0	0
3.	Đầu tư mới phòng thí nghiệm...	0	0
4.	Nâng cấp phòng thí nghiệm...	0	0
Tổng cộng:			0

4. Công khai thông tin cơ sở vật chất của nhà trường

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	44	Số m²/học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	44	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	6	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1,33	-
8	Bình quân học sinh/lớp	34	
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	46 413	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1500	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	48	

2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	110	
3	Diện tích thư viện (m ²)	400	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	360	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	100	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	3	
1.1	Khối lớp 10	1	0,083
1.2	Khối lớp 11	1	0,076
1.3	Khối lớp 12	1	0,090
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	6	
2.1	Khối lớp 10	2	
2.2	Khối lớp 11	2	

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
2.3	Khối lớp 12	2	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	
4	Thiết bị dạy GDQP	1 bộ	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	96	33 HS/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	33	
2	Cát xét	20	
3	Đầu Video/đầu đĩa	10	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	10	
5	Hệ thống âm thanh	4	
6	Hệ thống camera an ninh	3 hệ thống	

STT	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	120
XI	Nhà ăn	360

STT	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	50/ 1.000	250	2

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x	x		x	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0		0		0

STT	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá:

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ, Sở Giáo dục và Đào tạo. Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục:

- Nhà trường đã thực hiện đánh giá ngoài theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đã có Quyết định công nhận Trường trung học đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 theo quyết định số 3858/QĐ-UBND, ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk; Nhà trường đã có Quyết định công nhận Trường trung học đạt kiểm định chất lượng mức độ 3 theo quyết định số 102/QĐ-SGDĐT, ngày 31/12/2021 Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước và năm học này

***) Năm học 2023-2024**

- *Kết quả tuyển sinh:* Nhà trường tuyển sinh lớp 10 với tổng số học sinh đủ nguyện vọng 1 và được Sở GDĐT phê duyệt là 488 em (Có 02 em không nhập học).

Khối lớp	Số học sinh (tính đến cuối năm học)	Số lớp	Trong đó					
			HS nữ		HS dân tộc		HS khuyết tật	
			SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
10	394	11	236	59.88	10	2.5	0	0
11	413	12	239	57.87	8	1.9	0	0
12	366	10	208	59.83	12	3.3	0	0
Toàn trường	1173	36	918	61.28	30	2.6	0	0

- Số học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh tại trường

Khối lớp	Số HS đầu năm	Số HS chuyển đến	Số HS chuyển đi
10	394	0	0

11	413	0	0
12	366	0	0
Toàn trường	1173	0	0

***) Năm học 2024-2025**

a) Công tác tuyển sinh đầu cấp:

Chỉ tiêu tuyển sinh đầu cấp		Số học sinh trúng tuyển	Học sinh nhập học		Số học sinh lưu ban	Tổng số học sinh lớp đầu cấp	Số học sinh lớp đầu cấp	
Số học sinh	Số lớp		Số học sinh	Số lớp			Nhiều nhất	Ít nhất
350	10	334	334	10	0	334	35	32

b) Công tác chuyển trường của học sinh các khối lớp

Đối tượng	Tổng số học sinh chuyển đến, chuyển đi					Ghi chú
	Tổng số	Trong TP BMT	Trong tỉnh	Ngoài TP BMT	Ngoài tỉnh	
Chuyển đi	03	0	2	0	1	
Chuyển đến	0	0	0	0	0	

c) Biên chế lớp học

Khối lớp	Số lớp	Số học sinh
10	10	334
11	11	391
12	12	411
Tổng cộng:	33	1136

2. Thống kê kết quả đánh giá theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp

KẾT QUẢ XẾP LOẠI HỌC LỰC, HẠNH KIỂM CẢ NĂM - NĂM HỌC: 2023-2024

Khối	Tổng số	Hạnh Kiểm							
		Tốt		Khá		TB		Yếu	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Khối 12	366	366	100	0	0	0	0	0	0
Tổng số	366	366	100	0	0	0	0	0	0

Tổng số	Rèn luyện
----------------	------------------

Khối		Tốt		Khá		Đạt		CĐ	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Khối 10	394	394	100	0	0	0	0	0	0
Khối 11	413	413	100	0	0	0	0	0	0
Tổng số	807	807	100	0	0	0	0	0	0

Khối	Tổng số	Học Lực									
		Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Khối 12	366	334	91.26	32	8,74	0	0	0	0	0	0
Tổng số	366	334	91.26	32	8,74	0	0	0	0	0	0

Khối	Tổng số	Học tập							
		Tốt		Khá		Đạt		CĐ	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Khối 10	394	349	88.58	45	11.42	0	0	0	0
Khối 11	413	377	91.28	36	8.72	0	0	0	0
Tổng số	807	726	89.96	81	10.04	0	0	0	0

3. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình lớp 12, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh được trúng tuyển vào các cơ sở nghề nghiệp, trúng tuyển vào đại học

- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình lớp 12 năm học 2023 - 2024: 366.

- Số học sinh được cấp bằng tốt nghiệp năm học 2023-2024: 366 (100%).

- Số lượng học sinh được trúng tuyển vào các cơ sở nghề nghiệp và các đại học, cao đẳng: Khoảng 100%.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2023

Căn cứ Quyết định số 890/QĐ-SGDĐT ngày 30/12/2022 của Sở Giáo dục và đào tạo Đắk Lắk về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ công văn số 320/SGDĐT-KHTC ngày 05/03/2024 V/v kế hoạch, thời gian thẩm tra/xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước năm 2023 đối với các đơn vị trực thuộc;

Nay nhà trường thực hiện công khai quyết toán kinh phí chi tiết như sau:

a) Nguồn ngân sách:

ĐVT: đồng

Stt	Nội dung	Số đơn vị báo cáo	Số thẩm định quyết toán	Ghi chú
I.	Quyết toán thu, chi ngân sách			
1.	Số dư kinh phí năm trước (năm 2022) chuyển sang	14.978.420	14.978.420	
	- Kinh phí không tự chủ (012):	14.978.420	14.978.420	
	- Kinh phí tự chủ (013):	0	0	
	- Kinh phí cải cách tiền lương (014):	0	0	
	- Kinh phí cấp sau 30/9 (015):			
	- Kinh phí ngân sách nhà nước khác:			
2.	Dự toán kinh phí được giao đầu năm 2023	21.172.000.000	21.172.000.000	
	- Kinh phí không tự chủ (012):	3.624.000.000	3.624.000.000	
	- Kinh phí tự chủ (013):	17.548.000.000	17.548.000.000	
	- Kinh phí cải cách tiền lương (014):			
	- Kinh phí ngân sách nhà nước khác:			
3.	Dự toán kinh phí điều chỉnh (+) (-) trong năm	2.988.301.866	2.988.301.866	
	- Kinh phí không tự chủ (012):	-60.000.000	-60.000.000	
	- Kinh phí tự chủ (013):	-204.823.134	-204.823.134	
	- Kinh phí cải cách tiền lương (014):	1.398.000.000	1.398.000.000	
	- Kinh phí cấp sau 30/9 (015):	1.795.125.000	1.795.125.000	
	- Kinh phí ngân sách nhà nước khác:			
4.	Dự toán kinh phí được sử dụng trong năm (1+2 +/- 3)	24.115.280.286	24.115.280.286	
	- Kinh phí không tự chủ (012):	3.564.000.000	3.564.000.000	
	- Kinh phí tự chủ (013):	17.358.155.286	17.358.155.286	
	- Kinh phí cải cách tiền lương (014):	1.398.000.000	1.398.000.000	
	- Kinh phí cấp sau 30/9 (015):	1.795.125.000	1.795.125.000	
	- Kinh phí ngân sách nhà nước khác:			

5.	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	22.269.127.660	22.269.127.660	
	- Kinh phí không tự chủ (013):	3.515.395.452	3.515.395.452	
	- Kinh phí tự chủ (012):	17.355.732.208	17.355.732.208	
	- Kinh phí cải cách tiền lương (014):	1.398.000.000	1.398.000.000	
	- Kinh phí cấp sau 30/9 (015):			
	- Kinh phí ngân sách nhà nước khác:			
6.	Kinh phí còn lại đến cuối năm (4-5)	1.846.152.626	1.846.152.626	
	- Kinh phí không tự chủ (013):	48.604.548	48.604.548	
	- Kinh phí tự chủ (012):	2.423.078	2.423.078	
	- Kinh phí cải cách tiền lương (014):			
	- Kinh phí cấp sau 30/9 (015):	1.795.125.000	1.795.125.000	
	- Kinh phí ngân sách nhà nước khác:			
7.	Chênh lệch thu/chi từ hoạt động thường xuyên			
8.	Trích lập các khoản, cụ thể:			
a)	Trích lập nguồn CCTL			
b)	Trích khấu hao TSCĐ			
c)	Nộp thuế TNDN			
9.	Phân phối kết quả kinh phí chi thường xuyên tiết kiệm được			
a)	Chi thu nhập tăng thêm cho viên chức, người lao động			
b)	Chi khen thưởng và phúc lợi			
c)	Trích lập quỹ dự phòng để ổn định thu nhập cho viên chức, người lao động (nếu có)			
10.	Nguồn CCTL còn lại tại đơn vị			

b) Nguồn dịch vụ:

ĐVT: đồng

Stt	Nội dung	Trông coi phương tiện tham gia giao thông	Khác (Cho thuê mái nhà làm điện NLMT)
1.	Số thu năm trước chuyển sang	4.474.000	136.165.478
2.	Số thực tế thu trong năm	150.000.000	170.257.480
3.	Số thuế phải nộp ngân sách nhà nước từ nguồn thu dịch vụ 10%.	15.000.000	9.616.261
4.	Số kinh phí được sử dụng (sau khi trừ thuế)	139.474.000	306.422.958
5.	Số kinh phí đã sử dụng trong năm để nghị quyết toán	136.000.000	303.809.739
6.	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm	18.474.000	2.613.219
7.	Trích lập các khoản, cụ thể:		
a)	<i>Trích lập nguồn CCTL</i>		
b)	<i>Trích khấu hao TSCĐ</i>		
c)	<i>Nộp thuế TNDN</i>		
8.	Phân phối kết quả kinh phí chi thường xuyên tiết kiệm được		
a)	Chi thu nhập tăng thêm cho viên chức, người lao động		
b)	Chi khen thưởng và phúc lợi		
c)	Trích lập quỹ dự phòng để ổn định thu nhập cho viên chức, người lao động (nếu có)		
d)	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	18.474.000	2.613.219
9.	Nguồn CCTL còn lại tại đơn vị		

c) Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2023-2024

Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
Đối tượng được hưởng chế độ miễn giảm học phí			
Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ; Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND			
Học kỳ 1 năm học 2023-2024	32	26.250.000	
Học kỳ 2 năm học 2023-2024	27	20.250.000	
Đối tượng được cấp học bổng			
Hỗ trợ học bổng			
Học kỳ 1 năm học 2023-2024	611	412.425.000	
Học kỳ 2 năm học 2023-2024	656	442.800.000	

d) Các khoản thu và mức thu đối với người học, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học 2023 – 2024

STT	Khoản thu	Mức thu/HS/năm học			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
		Khối 10	Khối 11	Khối 12		
I	Các khoản thu hộ (theo quy định):					
1	Học phí cơ sở giáo dục công lập	50.000 đồng/tháng				
2	Bảo hiểm y tế (cho đối tượng HS không thuộc diện: Hộ nghèo, DTTS ở vùng KTXH khó khăn, người kinh ở hộ khẩu vùng 3; thân nhân sĩ quan, binh sĩ quân đội, công an...)	631.800	631.800	473.850	Theo CV số 914/BHXH-TST ngày 06/06/2023 của BHXH tỉnh Đắk Lắk	Khối 10+11 đóng 12 tháng, riêng khối 12 đóng 09 tháng
II	Các khoản thu thỏa thuận, vận động CMHS :					
1	Tiền nước uống tinh khiết (4,500	45.000	45.000	45.000	Công văn số	

	d/HS/ tháng)				1374/SGDDĐT-KHTC ngày 23/8/2023 của Sở Giáo dục-Đào tạo Đắk Lắk và dự toán thu chi của nhà trường
2	Tiền thuê nhân công quét dọn sân trường, sảnh giảng đường, các phòng học bộ môn, các nhà vệ sinh, các hành lang, các cầu thang, nhà thi đấu đa năng, vệ sinh hồ bơi, dọn dẹp cảnh quang xung quanh sân vận động và vật dụng phục vụ quét, dọn vệ sinh	215.000	215.000	215.000	
III	Các khoản thu tự nguyện				
1	Bảo hiểm thân thể	100.000	100.000	100.000	Thông báo của Cty bảo hiểm
2	Số liên lạc điện tử (50.000/HS/năm)	50.000	50.000	50.000	Thông báo của Cty Viettel
IV	Các khoản thu khác (nếu HS có tham gia)				
1	+ Giữ xe máy, xe máy điện: (35.000đ/tháng x 10 tháng = 350.000đ/năm; riêng lớp cận chuyên thu 9 tháng)	350.000	350.000	350.000	Theo QĐ số 26/2017/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk
	+ Giữ xe đạp, xe đạp điện: (20.000đ/tháng x 10 tháng = 200.000đ/năm; riêng lớp cận chuyên thu 9 tháng))	200.000	200.000	200.000	
V	Quỹ hoạt động của BDD CMHS nhà trường	Vận động CMHS			Thông tư 55/2011 của Bộ GDĐT

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Kỳ thi chọn HSG quốc gia:

Trong năm học 2023 -2024, *Trường THPT chuyên Nguyễn Du có 52 học sinh đạt giải cấp Quốc gia; trong đó 3 giải Nhất, 9 giải Nhì, 18 giải Ba và 22 giải KK, so với năm học 2022-2023 tăng 16 giải. Đây là số lượng HSG Quốc gia nhiều nhất (cả về lượng và chất) trong lịch sử 30 năm thành lập Trường.*

Cả 10 môn thi đều đạt giải, (trong đó: Môn Hóa: 8 giải; môn Tin: 8 giải ; môn Ngữ Văn: 8 giải; môn Vật Lý: 6 giải ; môn Địa lý: 6 giải ; môn Lịch Sử: 4 giải ; môn Sinh học: 4 giải ; môn Anh văn : 3 giải; môn Toán 3 giải; môn Pháp văn: 2 giải)

So với khu vực: 12 tỉnh duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên: xếp vị thứ 2 (sau tỉnh

Quảng Nam 71 giải), so với cả nước: tỉnh Đắk Lắk đạt 60 giải, xếp thứ 17/63 tỉnh thành

2. Kỳ thi lập đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế

Có 3 HS được Bộ Giáo dục và Đào tạo triệu tập tham dự kỳ thi:

+ Ngô Văn Trường Phúc – 12CL

+ Đoàn Minh Nhật – 12CH

+ Đỗ Gia Huy – 11TH

3. Kỳ thi Olympic truyền thống 30-4 lần thứ 28

Trường đăng cai: Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, có 68 trường THPT chuyên/THPT dự thi của 32 tỉnh, thành;

+ *KQ trường chuyên Nguyễn Du*: 54/60 Hs dự thi đạt giải, trong đó có 23 huy chương Vàng, 23 huy chương Bạc và 8 huy chương đồng; xếp vị thứ 7/80 trường tham gia kỳ thi, trong đó có 01 nhất đồng đội môn Ngữ văn 10; 01 thủ khoa: em Vũ Hồ Huyền Trâm – 10CV

4. Kỳ thi Olympic 10-3 lần thứ VII:

* *Kết quả HS dự thi*: 60/60 Hs đạt HC: 52 Huy chương Vàng, 6 Huy chương Bạc, 2 Huy chương Đồng ; Trường tiếp tục đạt giải Nhất toàn đoàn

5. Kỳ thi chọn HSG cấp tỉnh

Có 117/132 = 88,6%, HS dự thi đạt giải; cùng với 74 HS đặc cách HSG tỉnh, tổng 191 HSG cấp tỉnh, đây là số lượng HSG cấp tỉnh nhiều nhất (cả về lượng và chất) trong lịch sử 30 năm thành lập Trường

6. Thi Khoa học kỹ thuật:

Song song với kết quả thi HSG, Cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học năm học 2023-2024 cũng đạt thành tích cao: nhà trường chọn 02 dự án thi KHKT cấp tỉnh, kết quả có 1 giải Nhất và 01 giải KK cấp tỉnh.

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2024 của Trường THPT chuyên Nguyễn Du theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân./.

Nơi nhận:

- Thông báo;
- Website của trường;
- Lưu: VP.



Nguyễn Đăng Bồng